

Số: 03 /2024/QĐ-UBND

Quảng Bình, ngày 04 tháng 3 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định nội dung chi và mức chi  
của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Quảng Bình**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21/3/2017 của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

Căn cứ Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 157/TTr-SNN ngày 18 tháng 01 năm 2024.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định nội dung chi và mức chi của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Quảng Bình.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 3 năm 2024.

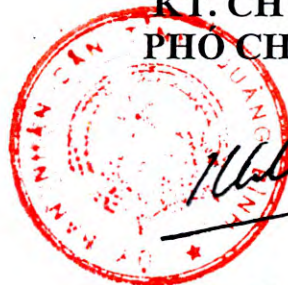
**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Trưởng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn kiêm Ban Chỉ huy Phòng thủ dân

sự tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Chỉ đạo quốc gia về Phòng chống thiên tai;
- Ủy ban QG Ứng phó sự cố thiên tai và TKCN;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VPUBND tỉnh;
- VPTT BCH PCTT và TKCN kiêm BCH PTDS tỉnh;
- Trưởng ban kiểm soát Quỹ PCTT tỉnh QB;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KT. ✓

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đoàn Ngọc Lâm**





**QUY ĐỊNH  
NỘI DUNG CHI VÀ MỨC CHI  
CỦA QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI TỈNH QUẢNG BÌNH**

(Kèm theo Quyết định số 03 /2024/QĐ-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định nội dung chi, mức chi, phân bổ của Quỹ phòng, chống thiên tai (sau đây viết tắt là Quỹ) cho công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Bình và phân công trách nhiệm đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài đang sinh sống, hoạt động hoặc tham gia công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

**Chương II  
QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Điều 3. Chi hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa**

1. Hỗ trợ thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng, chống thiên tai: Thực hiện theo quy định tại Thông tư 56/2023/TT-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở; Thông tư số 03/2018/TT-BTTTT ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình truyền hình và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, trong khả năng cân đối của Quỹ.

2. Hỗ trợ lập, rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai

a) Hỗ trợ lập kế hoạch phòng, chống thiên tai giai đoạn: Mức chi căn cứ theo dự toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và trong khả năng cân đối của Quỹ; không quá 30.000.000 đồng/01 xã, phường, thị trấn; không quá 150.000.000 đồng/01 huyện, thị xã, thành phố; không quá 300.000.000 đồng/đôi với cấp tỉnh. ✓



b) Hỗ trợ rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai hàng năm: Mức chi căn cứ theo dự toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và trong khả năng cân đối của Quỹ; mức chi tối đa không quá 10.000.000 đồng/01 xã, phường, thị trấn, không quá 15.000.000 đồng/01 huyện, thị xã, thành phố, không quá 20.000.000 đồng đối với cấp tỉnh.

3. Hỗ trợ lập, rà soát phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai

a) Hỗ trợ lập phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai giai đoạn: Mức chi căn cứ theo dự toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và trong khả năng cân đối của Quỹ; mức chi tối đa không quá 20.000.000 đồng/01 xã, phường, thị trấn, không quá 30.000.000 đồng/01 huyện, thị xã, thành phố, không quá 40.000.000 đồng đối với cấp tỉnh.

b) Hỗ trợ rà soát phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai hàng năm: Mức chi căn cứ theo dự toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và trong khả năng cân đối của Quỹ; mức chi tối đa không quá 5.000.000 đồng/01 xã, phường, thị trấn, không quá 10.000.000 đồng/01 huyện, thị xã, thành phố, không quá 15.000.000 đồng đối với cấp tỉnh.

4. Hỗ trợ sắp xếp, di chuyển dân cư ra khỏi vùng thiên tai, nguy hiểm: Đối với hộ phải di dời nhà ở khẩn cấp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền do nguy cơ sạt lở, lũ, lụt, thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác được xem xét hỗ trợ chi phí di dời nhà ở với mức chi không quá 30.000.000 đồng/hộ và trong khả năng cân đối của Quỹ.

5. Hỗ trợ phổ biến, tuyên truyền, giáo dục, tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia công tác phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương và cộng đồng: Thực hiện theo quy định tại Thông tư 56/2023/TT-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở; Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

6. Hỗ trợ diễn tập phòng, chống thiên tai ở các cấp: Mức chi căn cứ theo dự toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và trong khả năng cân đối của Quỹ; mức chi tối đa không quá 100.000.000 đồng/đợt đối với cấp tỉnh, không quá 50.000.000 đồng/đợt đối với cấp huyện, không quá 20.000.000 đồng/đợt đối với cấp xã.

7. Hỗ trợ mua bảo hiểm rủi ro thiên tai cho đối tượng tham gia lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã: Mức chi căn cứ theo dự toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và trong khả năng cân đối của Quỹ.

8. Hỗ trợ tập huấn và duy trì hoạt động cho các đối tượng tham gia hộ đê, lực lượng quản lý đê nhân dân, lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã, tình nguyện viên phòng, chống thiên tai: Thực hiện theo quy định tại Mục 7 Chương II Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ. ✓



phù quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều, các văn bản khác có liên quan và trong khả năng cân đối của Quỹ.

9. Hỗ trợ xây dựng công cụ, phần mềm, quan trắc, thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai tại cộng đồng: Mức chi căn cứ theo dự toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và trong khả năng cân đối của Quỹ.

10. Hỗ trợ mua sắm, đầu tư phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai: Thực hiện theo Quyết định số 40/2022/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình và trong khả năng cân đối của Quỹ.

#### **Điều 4. Chi hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai**

1. Hỗ trợ sơ tán dân khỏi nơi nguy hiểm; hỗ trợ chăm sóc y tế, thực phẩm, nước uống cho người dân tại các nơi sơ tán tập trung: Mức chi 50.000 đồng/người/ngày, căn cứ theo số ngày thực tế được sơ tán và danh sách sơ tán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Hỗ trợ tuần tra, kiểm tra phát hiện khu vực có nguy cơ xảy ra rủi ro thiên tai, sự cố công trình phòng, chống thiên tai; hỗ trợ lực lượng được huy động tham gia ứng phó thiên tai: Mức chi bằng 0,1 lần mức lương cơ sở/người/ngày, nếu thực hiện nhiệm vụ từ 22 giờ đêm ngày hôm trước đến 06 giờ ngày hôm sau thì được tính gấp đôi.

#### **Điều 5. Chi cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai**

1. Cứu trợ khẩn cấp về lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh, sách vở, phương tiện học tập và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai

a) Cứu trợ khẩn cấp về lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai: Mức chi 100.000 đồng/người/ngày/đợt thiên tai, căn cứ vào danh sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ.

b) Cứu trợ khẩn cấp về sách vở, phương tiện học tập: Mức chi 200.000 đồng/học sinh, căn cứ vào danh sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ.

2. Hỗ trợ tu sửa nhà ở, cơ sở y tế, trường học, xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai, tu sửa nhà kết hợp làm địa điểm sơ tán phòng tránh thiên tai

a) Hỗ trợ tu sửa nhà ở

Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị đổ, sập, trôi, cháy hoàn toàn do thiên tai mà không còn nơi ở thì được xem xét hỗ trợ chi phí làm nhà ở: Mức chi tối đa không quá 40.000.000 đồng/hộ và trong khả năng cân đối của Quỹ.



Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị hư hỏng nặng do thiên tai mà không ở được thì được xem xét hỗ trợ chi phí sửa chữa nhà: Mức chi tối đa không quá 20.000.000 đồng/hộ và trong khả năng cân đối của Quỹ.

b) Hỗ trợ tu sửa cơ sở y tế, trường học, tu sửa nhà kết hợp làm địa điểm sơ tán phòng tránh thiên tai: Mức chi căn cứ theo dự toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, không quá 50.000.000 đồng/công trình tu sửa và trong khả năng cân đối của Quỹ.

c) Hỗ trợ xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai: Mức chi căn cứ theo dự toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và trong khả năng cân đối của Quỹ, mức chi không quá 10.000.000 đồng/xã, phường, thị trấn bị ảnh hưởng/01 đợt thiên tai.

3. Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh, các văn bản khác có liên quan và trong khả năng cân đối của Quỹ.

4. Hỗ trợ tháo bỏ hạng mục, vật cản gây nguy cơ rủi ro thiên tai; hỗ trợ xử lý đảm bảo giao thông thông suốt cho những đoạn tuyến giao thông đường bộ, đường sắt quan trọng trên địa bàn bị sụt trượt, sạt lở: Mức chi căn cứ theo dự toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và trong khả năng cân đối của Quỹ.

5. Hỗ trợ kinh phí tu sửa, xử lý và xây dựng khẩn cấp công trình phòng, chống thiên tai: Mức chi căn cứ theo dự toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, không quá 3.000.000.000 đồng trên tổng mức đầu tư 01 công trình và trong khả năng cân đối của Quỹ.

## **Điều 6. Phân bổ Quỹ**

1. Ủy ban nhân dân cấp xã (xã, phường, thị trấn) được giữ lại 28% số thu trên địa bàn để hỗ trợ chi thù lao cho lực lượng trực tiếp thu là 5%; chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu quỹ là 3% và chi thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp xã là 20%. Số tiền thu quỹ còn lại (72% số thu trên địa bàn) nộp vào tài khoản Quỹ ở cấp huyện do Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền.

Đối với các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo và các xã khu vực III, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân bổ tối thiểu cho Ủy ban nhân dân cấp xã bằng số tiền của xã được phân bổ thấp nhất trên địa bàn tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện (huyện, thị xã, thành phố) được giữ lại 23% số thu trên địa bàn (bao gồm cả số thu của cấp xã nộp về) để chi thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp huyện là 20% và chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu quỹ là 3%. Số tiền còn lại (77% số thu trên địa bàn) nộp vào tài khoản của Quỹ tỉnh. ✓



3. Chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ là 3% tổng số thu thực tế của Quỹ tỉnh (bao gồm cả phần Ủy ban nhân dân cấp huyện nộp về), dùng để chi các nội dung sau:

a) Chi phụ cấp kiêm nhiệm cho thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Ban kiểm soát Quỹ, Cơ quan quản lý Quỹ: Mức chi phụ cấp kiêm nhiệm thực hiện theo quy định hiện hành.

b) Chi hành chính phát sinh của Quỹ: Nội dung chi và mức chi hành chính thực hiện theo quy định hiện hành.

4. Sau khi báo cáo quyết toán kinh phí được phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện thu hồi khoản phân bổ nếu còn dư hoặc quyết định phân bổ khi nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ cấp bách phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai tại cấp xã khi vượt quá khả năng của xã. Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh chỉ hỗ trợ cho Ủy ban nhân dân cấp huyện khi vượt quá khả năng của huyện trong thực hiện các nhiệm vụ cấp bách phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai.

### **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 7. Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn kiêm Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh**

Trách nhiệm của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn kiêm Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai.

#### **Điều 8. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

1. Chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, rà soát, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ kinh phí để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai theo Quy định này.

2. Phối hợp với các cơ quan chức năng hướng dẫn Cơ quan quản lý Quỹ, các địa phương thực hiện công tác quản lý và sử dụng Quỹ theo đúng quy định.

3. Phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn trình tự, hồ sơ, thủ tục thanh quyết toán các nội dung chi Quỹ phòng chống thiên tai tỉnh theo đúng quy định.

#### **Điều 9. Sở Tài chính**

Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cơ quan quản lý Quỹ thẩm tra báo cáo quyết toán Quỹ và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định hiện hành của Nhà nước.

#### **Điều 10. Cơ quan quản lý Quỹ**

1. Báo cáo quyết toán thu, chi Quỹ hàng năm với Hội đồng quản lý Quỹ vào Quý I năm sau. ✓



2. Đơn đốc tổng hợp, báo cáo và tổ chức xét duyệt quyết toán kết quả thực hiện của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện; đồng thời tổng hợp kết quả thực hiện, lập báo cáo quyết toán chung toàn Quỹ, gửi Sở Tài chính trước ngày 31 tháng 3 năm sau để tổ chức thẩm tra, phê duyệt theo quy định hiện hành.

3. Báo cáo kết quả thu, chi Quỹ với Cơ quan quản lý Quỹ trung ương trước ngày 25 hàng tháng.

4. Lập dự toán chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Cơ quan quản lý Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

5. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thanh tra thường xuyên và đột xuất việc chấp hành công tác xây dựng kế hoạch thu, chi và quản lý sử dụng Quỹ tại các cơ quan, đơn vị và địa phương theo đúng quy định.

6. Chế độ thông tin, công khai nguồn thu, chi: thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP.

### **Điều 11. Các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh**

1. Căn cứ phạm vi, chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức thực hiện các nội dung của Quy định này và các hoạt động phòng, chống thiên tai khác có liên quan.

2. Sử dụng kinh phí hỗ trợ đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả, tránh thất thoát lãng phí và xảy ra tiêu cực.

3. Công khai danh sách thu, nộp quỹ của cá nhân cán bộ, công chức, viên chức, người lao động: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP.

### **Điều 12. Ủy ban nhân dân cấp huyện**

1. Tổ chức thực hiện đúng các nội dung của Quy định này và các hoạt động phòng, chống thiên tai khác có liên quan.

2. Thực hiện việc thống kê, kiểm kê, đánh giá chính xác mức độ thiệt hại theo Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra; nhu cầu hỗ trợ và kết quả thực hiện hỗ trợ. Báo cáo gửi về Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo Quy định này.

3. Sử dụng kinh phí hỗ trợ đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả, tránh thất thoát lãng phí và xảy ra tiêu cực; chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với các phòng, ban, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện công khai chính sách hỗ trợ của Nhà nước: Danh sách người được hỗ trợ; mức hỗ trợ đối với từng hộ gia đình, cá nhân, cơ quan, tổ chức bị thiệt hại do thiên tai trước và sau khi có quyết định hỗ trợ của cấp có thẩm quyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã.

4. Chế độ thông tin, công khai nguồn thu, chi: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP. ✓



### **Điều 13. Ủy ban nhân dân cấp xã**

1. Thực hiện đúng các nội dung của Quy định này và các hoạt động phòng, chống thiên tai khác có liên quan.
2. Thông kê, kiểm kê, đánh giá chính xác mức độ thiệt hại, nhu cầu hỗ trợ khôi phục sản xuất theo Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT và báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân cấp huyện.
3. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ khi được Ủy ban nhân dân cấp huyện giao.
4. Sử dụng kinh phí hỗ trợ đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả, tránh thất thoát lãng phí và xảy ra tiêu cực; thực hiện công khai: Danh sách người được hỗ trợ; mức hỗ trợ đối với từng hộ gia đình, cá nhân, cơ quan, tổ chức bị thiệt hại do thiên tai trước và sau khi có quyết định hỗ trợ của cấp có thẩm quyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã.
5. Chế độ thông tin, công khai nguồn thu, chi: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP.

## **Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 14. Điều khoản thi hành**

1. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.
2. Trường hợp trong cùng một thời gian nhưng có nhiều chính sách hỗ trợ khác nhau thì các tổ chức, cá nhân chỉ được lựa chọn áp dụng chính sách hỗ trợ cao nhất.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc phát sinh các nội dung ngoài Quy định này, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có ý kiến bằng văn bản gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Cơ quan quản lý Quỹ) để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung phù hợp tình hình thực tế. /.